

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN VĂN VŨ

2. Ngày tháng năm sinh: 04/5/1977; Nam ☒ ; ☐ Nữ ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Tam Sơn, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 11.04 Lô M, cc Bàu Cát 2, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Khoa Công nghệ thông tin, Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM, 227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: 0908175957; E-mail: nvu@fit.hcmus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 10/1999 - 8/2004: Kỹ sư công nghệ phần mềm, Công ty PSV Việt Nam

Từ tháng, năm: 8/2004 - 12/2010: Trợ giảng, Trường Đại học Nam California, Los Angeles, Hoa Kỳ

Từ tháng, năm: 3/2011 - Nay: Khoa Công nghệ thông tin, Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trường khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trường khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ thông tin, Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

Địa chỉ cơ quan: 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 08-3835 4266

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Đại học Công nghệ thông tin, ĐHQG-HCM

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 9 năm 1999; số văn bằng: B63006; ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia - TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 12 tháng 5 năm 2006; số văn bằng:; ngành: Khoa học máy tính; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Nam California (University of Southern California), Los Angeles, Hoa Kỳ.

- Được cấp bằng TS ngày 16 tháng 10 năm 2010; số văn bằng:.....; ngành: Khoa học máy tính; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Nam California (University of Southern California), Los Angeles, Hoa Kỳ.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm ... , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia - TP. Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ước lượng chi phí dự án phần mềm
- Kiểm thử tự động phần mềm
- Giáo dục trong công nghệ phần mềm

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 (01 cấp cơ sở, 01 cấp Đại học quốc gia, và 01 cấp Quốc gia (NAFOSTED));
- Đã công bố (số lượng) 26 bài báo khoa học, trong đó 08 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua Cấp bộ năm 2020, số 1377/QĐ-BGDĐT ngày 28/5/2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: luôn luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao bao gồm các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý và tư vấn sinh viên; luôn gương mẫu với sinh viên và đồng nghiệp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 10 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017			02	05	308	115	423/466/135
2	2017-2018			02	04	398	115	514/557/135
3	2018-2019				05	671	45	716/1268/135
03 năm học cuối								
4	2019-2020			01	03	578	45	623/969/270
5	2020-2021				04	717	45	763/1248/270
6	2021-2022			01	02	651	45	697/908/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS hoặc ☐ luận án TS ☒ hoặc TSKH ; tại nước: Hoa kỳ năm 2010.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Huỳnh Thị Phương Thủy		HVCH	x		6/2015 đến 2/2016	Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia - TP. HCM	28/11/2016
2	Nguyễn Thanh Hương		HVCH	x		6/2015 đến 2/2016	Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia - TP. HCM	28/11/2016
3	Lê Hoàng Phú		HVCH	x		2/2017 đến 12/2017	Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia - TP. HCM	04/5/2018
4	Trần Phước Việt		HVCH	x		3/2015 đến 12/2017	Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia - TP. HCM	04/5/2018
5	Trần Thị Mỹ Thú		HVCH	x		8/2018 đến 5/2019	Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia - TP. HCM	19/11/2019

6	Trần Thanh Phước		HVCH	x		8/2019 đến 8/2021	Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia - TP. HCM	26/4/2022
---	------------------	--	------	---	--	-------------------	---	-----------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Không có						

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: []

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Xây dựng môi trường tích hợp trên web hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu và phát triển dự án trong công nghệ phần mềm	TK	B2013-18-01 (Cấp ĐHQG)	3/2013 – 3/2016	6/8/2016 Đạt
2	Cải tiến COCOMO dựa trên phân tích xu hướng của năng suất dự án và các nhân tố ảnh hưởng theo thời gian	CN	102.03-2014.34 (Cấp Quốc gia - NAFOSTED)	3/2015 – 9/2018	28/11/2019 Đạt

3	Phát sinh các trường hợp kiểm thử tự động	CN	CNTT 2020-15	10/2020 – 10/2021	20/4/2022 Xuất sắc
---	---	----	--------------	-------------------	-----------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Mining and analyzing digital archive usage data to support collection development decisions	19	Không	Proceedings of the 5th ACM/IEEE-CS Joint Conference on Digital Libraries (JCDL '05) ISBN:1-58113-876-8		2 (Goolge Scholar)		6/2005
2	A SLOC Counting Standard	4	Có	COCOMO II Forum, 2007		144	Trang 1-15	10/2007
3	A Constrained Regression Technique for COCOMO Calibration	3	Có	The Second ACM-IEEE International Symposium on Empirical Software Engineering and Measurement (ESEM) ISBN: 978-1-59593-971-5	Kỷ yếu hội nghị trong danh mục Scopus	78	Trang 213–222	10/2008
4	Improved Size and Effort Estimation Models for Software Maintenance	1	Có	The Twenty-sixth IEEE International Conference on Software Maintenance (ICSM 2010)		41		9/2010

				ISBN: 978-1-4244-8630-4				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
5	Local Bias and its Impacts on the Performance of Parametric Estimation Models	7	Không	The 7th International Conference on Predictive Models in Software Engineering (PROMISE 2011) ISBN: 978-1-4503-0709-3	Kỷ yếu hội nghị trong danh mục Scopus	13		9/2011
6	An Analysis of Trends in Productivity and Cost Drivers over Years	3	Có	The 7th International Conference on Predictive Models in Software Engineering (PROMISE 2011) ISBN: 978-1-4503-0709-3	Kỷ yếu hội nghị trong danh mục Scopus	33	Trang 1-10	9/2011
7	A Controlled Experiment in Assessing and Estimating Software Maintenance Tasks	3	Có	Journal of Information and Software Technology ISBN: 0950-5849	ISI, Q1, IF = 1.507	52	Vol 53, Issue 6, Trang 682-691	6/2011
8	qEstimation: A Process for Estimating Size and Effort of Software Testing	3	Có	International Conference on Software and System Process (ICSSP 2013) ISBN: 978-1-4503-2062-7			Trang 20-28	5/2013
9	Analyzing and handling local bias for calibrating	7	Không	Journal of Information and	ISI, Q1, IF = 1.507	25	Vol 55, Issue 8, Trang 1496-1511	8/2013

	parametric cost estimation models			Software Technology ISBN: 0950-5849				
10	An interactive Web-based IDE towards teaching and learning in programming courses	5	Không	IEEE International Conference on Teaching, Assessment and Learning for Engineering (TALE 2013) ISBN: 978-1-4673-6355-6	Kỷ yếu hội nghị trong danh mục Scopus	17	Trang 439-444	11/2013
11	Một giải pháp chuyển đổi giao diện tĩnh Web RIA sang giao diện di động	3	Không	Hội nghị FAIR 2014. ISBN: 978-604-913-300-8			Trang 307-317	6/2014
12	Learning and Practicing Object-Oriented Programming Using a Collaborative Web-based IDE	4	Có	IEEE Frontiers in Education Proceedings (FIE 2014). ISBN: 978-1-4799-3922-0	Kỷ yếu hội nghị trong danh mục Scopus	9	Trang 1-9	10/2014
13	EduCo: an Integrated Social Environment for Teaching and Learning Software Engineering Courses	4	Không	International Conference on Information Integration and Web-based Applications & Services (iiWAS) ISBN: 978-1-4503-3001-5		3	Trang 17-26	12/2014
14	Enhancing Team Collaboration through Integrating Social Interactions in a Web-based	4	Có	Journal of Computer Applications in Engineering Education ISSN: 1099-0542	ISI, Q3, IF=1.532	21	Vol 24, Issue 4, Trang 529-545	3/2016

	Development Environment							
15	A k-Nearest Neighbors Approach for COCOMO Calibration	2	Không	2017 4th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science ISBN: 978-1-5386-3211-6		2	Trang 219-224	11/2017
16	Determining Relevant Training Data for Effort Estimation Using Window-based COCOMO Calibration	3	Có	Journal of Systems and Software ISSN: 0164-1212	ISI, Q1, IF=2.559	10	Vol 147, Trang 124-146	1/2019
17	Investigating the use of duration-based windows and estimation by analogy for COCOMO	5	Có	Journal of Software: Evolution and Process ISSN: 2047-7481	ISI, Q2, IF=1.972		Vol 31, Issue 10, Trang 1-23	10/2019
18	Clustering Automation Test Faults	3	Không	The 11th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2019) ISBN: 978-1-7281-3004-0	Kỷ yếu hội nghị trong danh mục Scopus	3	Trang 1-7	12/2019
19	An evaluation of parameter pruning approaches for software estimation	5	Không	Proceedings of the Fifteenth International Conference on Predictive Models and Data Analytics in Software Engineering ISBN: 978-1-4503-7233-6		2	Trang 26-35	9/2019
20	Prioritizing automated user	3	Không	Proceedings of the Fifteenth International		7	Trang 56-65	2/2019

	interface tests using reinforcement learning			Conference on Predictive Models and Data Analytics in Software Engineering ISBN: 978-1-4503-7233-6				
21	Predicting Stock Prices Using Dynamic LSTM Models			Communications in Computer and Information Science ISSN: 1865-0929	ISI, Q4, IF=0.49	13	Trang 199-212	
22	Mining and Creating a Software Repositories Dataset	4	Không	2020 7th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS) ISBN: 978-1-6654-0518-8			Trang 78-83	11/2020
23	Generating and selecting resilient and maintainable locators for Web automated testing	3	Có	Communications in Computer and Information Science ISSN: 1865-0937	ISI, Q3, IF = 1.267	3	Vol 31, Issue 3	5/2021
24	An approach to prioritizing automated test cases of Web applications	3	Không	2021 13th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE) ISBN: 978-1-6654-9976-7	Kỷ yếu hội nghị trong danh mục Scopus		Trang 1-8	11/2021
25	RLTCP : A reinforcement learning approach to prioritizing	2	Có	Information and Software Technology ISSN: 0950-5849	ISI, Q1, IF=2.730	1	Vol 136	8/2021

	automated user interface tests							
26	Ensemble approaches for Test Case Prioritization in UI testing	4	Có	The 34th International Conference on Software Engineering & Knowledge Engineering (SEKE 2022) ISSN: 2325-9000	Kỷ yếu hội nghị trong danh mục Scopus		Trang 1-6	7/2022

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 22 (từ #5 - #26)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
	Không có				

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
	Không có				

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 0

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy Ngành Trí tuệ nhân tạo	Thành viên tổ soạn thảo	Số 788B/QĐ-KHTN ngày 15/4/2021	Đại học Quốc gia TP. HCM	Đã được ĐHQG-HCM cho phép mở ngành từ 2021.	
2	Đề án thi điểm mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Trí tuệ nhân tạo	Tổ phó tổ soạn thảo	Số 631/QĐ-KHTN ngày 20/4/2021	Đại học Quốc gia TP. HCM	Đã được ĐHQG-HCM cho phép mở ngành từ 2022 (QĐ Số 1616/QĐ-ĐHQG ngày 15/12/2021)	
3	Đề án thi điểm mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Ngành Trí tuệ nhân tạo	Tổ phó tổ soạn thảo	Số 632/QĐ-KHTN ngày 20/4/2021	Đại học Quốc gia TP. HCM	Đã được ĐHQG-HCM cho phép mở ngành từ 2022 (QĐ Số 1617/QĐ-ĐHQG ngày 15/12/2021).	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh , ngày 20 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Vũ